

VN-Index 1751.03 (2.74%)

1033 Tr. cổ phiếu 30781.9 Tỷ VND (27.05%)

HNX-Index 257.23 (1.28%)

72 Tr. cổ phiếu 1468.2 Tỷ VND (4.69%)

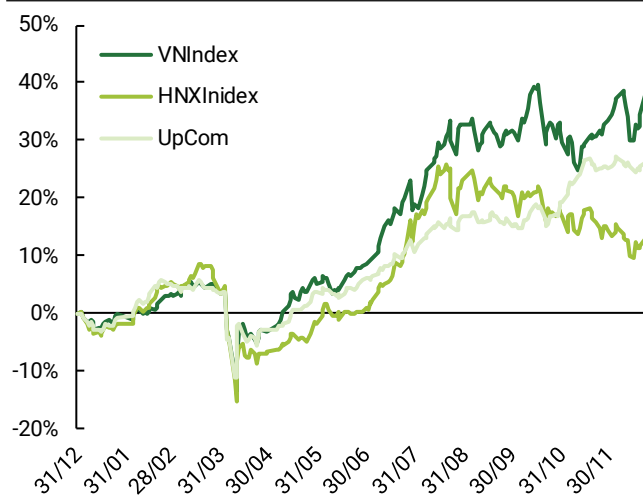
UPCOM-Index 119.84 (0.36%)

39 Tr. cổ phiếu 582.2 Tỷ VND (-24.08%)

VN30F1M 1997.00 (3.10%)

238,951 HD OI: 36,268 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1751.0, tăng +46.7 điểm (+2.74%). Thanh khoản tăng với độ rộng nghiêng về bên mua. Sắc xanh cũng lan tỏa ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Chỉ số giao dịch phần khởi phiên đầu tuần. Nhóm Vingroup tiếp tục vai trò dẫn dắt cùng với đà tăng ở nhóm Ngân hàng góp thêm lực đẩy.

Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: VIC (+6.9%), VHM (+5.8%), PDR (+6.2%) | Ngân hàng: STB (+6.9%), TCB (+4.8%), EIB (+4.7%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (+7.0%), GEX (+5.1%), HAH (+4.0%) | Tiện ích: POW (+4.1%), GAS (+2.0%) | Thực phẩm và đồ uống: ANV (+2.6%), DBC (+1.1%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu trong phiên: Công nghệ Thông tin: ITD (-0.6%), FPT (-0.2%)

Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, TCB, VPL, STB - Chiều giảm | VNM, VCK, TCX, VPX, FPT

Khối ngoại Mua ròng hơn 500 tỷ, tập trung nhiều ở MWG, GEX, VIX, trong khi bán ròng FPT, ACB, VNM.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** khởi đầu tuần mới khởi sắc bằng mẫu hình nến tăng Marubozu. Thanh khoản cũng gia tăng đồng thuận xu hướng. Nhóm vốn hóa lớn tiếp tục dẫn dắt đà tăng giúp chỉ số xác nhận vượt hẳn ngưỡng 1700 điểm. Chỉ báo MACD, RSI đồng thời cải thiện ủng hộ động lượng đi lên. Dù vậy, khu vực quanh 1760 – 1770 điểm đang là ngưỡng cản kỹ thuật, chỉ số có thể trở lại rung lắc hoặc hạ nhiệt để tích lũy thêm đà. Nếu lực cầu vẫn duy trì tốt, kỳ vọng mục tiêu hướng tới là mốc 1800 điểm. Khoảng "gap" quanh 1700 - 1720 hiện trở thành hỗ trợ ngắn hạn cho xu hướng.
- **Đối với HNX-Index**, lực cầu cũng trở lại giúp chỉ số vượt lên trở lại vùng đáy sập gây trước đây, quanh khu vực 256. Vận động cần duy trì trên ngưỡng này các phiên sau để xác nhận động lực tăng. Kháng cự gần hiện là ngưỡng 262.
- **Chiến lược chung:** Chiều mua có thể bắt đầu theo dõi trở lại. Xem xét thêm tín hiệu ổn định trên vùng 1700 điểm của VN-Index các phiên tới cũng như sự đồng thuận từ mặt bằng chung cổ phiếu. Thị trường khả năng còn rung lắc củng cố thêm đà, nên hạn chế hưng phấn mua đuổi trước các dấu hiệu bật tăng chưa rõ ràng. Các nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Tiện ích, Tiêu dùng, Đầu tư công.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua KLB (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	01 phiên trước		Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng					
Theo chỉ số																
VN-Index	1,751.0 ▲	2.74%	6.4%	5.8%	30,781.9 ▲	27.1%	63.8%	53.0%	1,033.2 ▲	28.1%	50.5%	41.3%				
HNX-Index	257.2 ▲	1.28%	3.2%	-2.2%	1,468.2 ▲	4.7%	13.9%	-15.9%	71.8 ▼	-7.2%	11.1%	-1.7%				
UPCOM-Index	119.8 ▬	0.36%	1.1%	1.0%	582.2 ▼	-24.1%	-23.2%	-17.5%	39.5 ▼	-25.7%	-37.7%	-11.4%				
VN30	1,985.3 ▲	2.7%	6.2%	4.5%	20,021.9 ▲	34.8%	91.7%	84.5%	498.4 ▲	35.3%	72.9%	69.9%				
VNMID	2,259.2 ▲	2.0%	5.9%	-0.9%	8,525.3 ▲	24.4%	34.7%	13.7%	358.7 ▲	29.4%	35.2%	20.3%				
VNSML	1,494.5 ▬	0.59%	1.8%	-2.0%	1,241.1 ▲	3.5%	9.5%	-4.6%	85.4 ▲	11.6%	-7.8%	-22.0%				
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	630.1 ▲	2.2%	2.95%	-1.0%	6,989.2 ▲	44.75%	37.7%	23.5%	286.2 ▲	35.2%	34.4%	23.2%				
Bất động sản	784.6 ▲	5.4%	4.1%	17.2%	4,287.6 ▼	-10.1%	5.6%	-4.5%	131.8 ▲	3.5%	0.9%	2.5%				
Dịch vụ tài chính	318.6 ▬	0.7%	3.2%	-4.2%	3,586.7 ▼	-7.5%	8.8%	15.2%	140.2 ▼	-7.1%	12.3%	17.0%				
Công nghiệp	272.6 ▲	3.6%	3.6%	1.0%	1,252.8 ▲	11.9%	-5.4%	-10.2%	28.9 ▲	9.6%	5.9%	-15.8%				
Tài nguyên cơ bản	532.5 ▬	0.7%	2.8%	-3.2%	1,731.8 ▲	67.0%	95.2%	87.1%	72.7 ▲	65.3%	74.6%	71.3%				
Xây dựng - Vật Liệu	189.2 ▲	1.5%	1.4%	-3.3%	800.0 ▲	8.3%	-6.0%	-18.1%	38.7 ▲	4.3%	-1.3%	-12.3%				
Thực phẩm	561.4 ▼	-0.1%	3.1%	1.5%	7,939.1 ▲	325.0%	454.0%	393.6%	175.3 ▲	244.8%	339.7%	301.2%				
Bán Lẻ	1,544.6 ▲	2.3%	4.8%	-0.1%	904.4 ▲	33.7%	7.9%	13.0%	11.5 ▲	25.8%	-3.4%	1.6%				
Công nghệ	502.2 ▼	-0.1%	0.2%	-3.1%	705.4 ▲	31.6%	26.7%	7.7%	10.8 ▲	48.3%	0.5%	12.2%				
Hóa chất	157.4 ▲	1.39%	-1.2%	-8.8%	598.1 ▼	-78.5%	-46.6%	-0.4%	13.8 ▼	-69.1%	-33.8%	-24.4%				
Tiện ích	670.5 ▲	1.4%	2.7%	-0.1%	420.5 ▲	71.4%	52.3%	44.6%	26.0 ▲	94.4%	65.1%	73.4%				
Dầu khí	76.7 ▲	2.32%	13.2%	0.3%	523.5 ▼	-28.9%	-1.8%	10.1%	24.3 ▼	-34.5%	-4.8%	20.3%				
Dược phẩm	430.7 ▲	1.0%	0.9%	2.0%	84.3 ▲	86.6%	43.3%	0.0%	4.7 ▲	106.3%	56.2%	-1.8%				
Bảo hiểm	92.0 ▲	2.9%	3.4%	-0.9%	128.4 ▲	389.4%	397.1%	248.5%	4.4 ▲	487.3%	495.1%	290.8%				

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,751.0 ▲	2.7%	38.2%	16.5x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,270 ▲	1.4%	-9.3%	13.4x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	8,646 ▬	0.4%	22.1%	21.6x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,264 ▬	0.3%	-2.6%	16.4x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,041 ▲	2.0%	-7.5%	9.9x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,917 ▬	0.7%	16.9%	18.5x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	25,802 ▬	0.43%	28.6%	12.9x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	50,402 ▲	1.81%	26.3%	22.1x	2.5x
S&P 500	Mỹ	6,835 ▬	0.9%	16.2%	27.3x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	48,135 ▬	0.4%	13.1%	24.9x	5.7x
FTSE 100	Anh	9,856 ▼	-0.40%	20.6%	14.9x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,750 ▼	-0.2%	17.4%	17.4x	2.5x
DX/USD		98.5 ▼	-0.12%	-9.2%		
USD/VND		26,333 ▬	0.07%	3.3%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

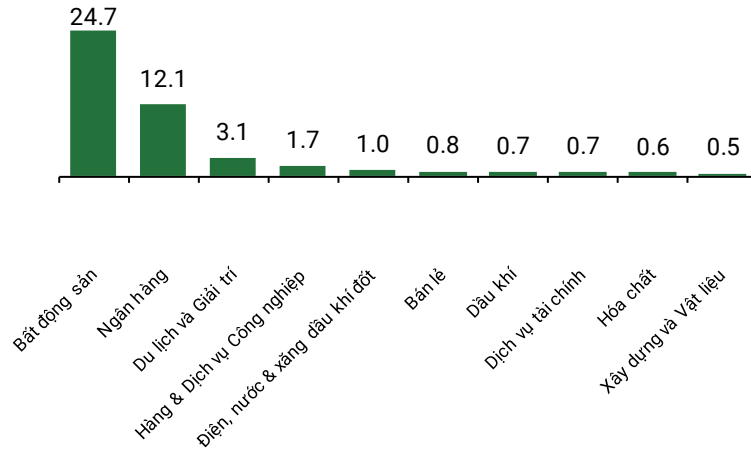
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	1.6%	-1.8%	-17.7%	-15.8%
Dầu WTI	▲	1.4%	-1.1%	-19.9%	-17.3%
Khí gas	▲	2.9%	-10.5%	12.8%	9.4%
Than cốc (*)	▼	-3.4%	-9.4%	-10.6%	-13.3%
Thép HRC (*)	▬	0.1%	-0.4%	-5.6%	-5.9%
PVC (*)	▬	0.0%	-1.9%	-12.2%	-12.1%
Phân Urea (*)	▬	0.1%	-4.3%	6.6%	8.6%
Cao su thiên nhiên	▬	0.9%	3.0%	-10.6%	-6.8%
Bông Cotton	▬	0.30%	4.2%	-6.5%	-6.1%
Đường	▲	1.1%	1.4%	-22.2%	-23.2%
World Container Index	▲	11.5%	17.8%	-42.6%	-42.6%
Baltic Dirty tanker Index	▬	0.6%	-3.8%	51.1%	51.5%
Vàng	▲	1.6%	8.5%	68.0%	68.1%
Bạc	▲	2.8%	38.0%	138.8%	133.8%

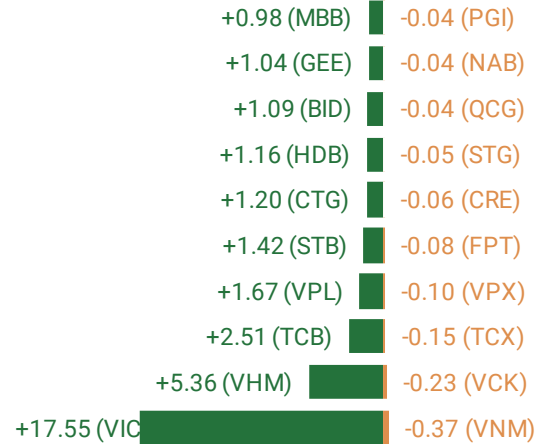
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

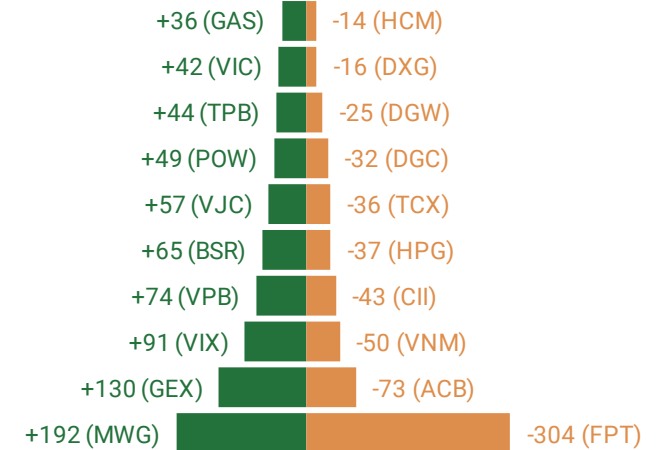
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



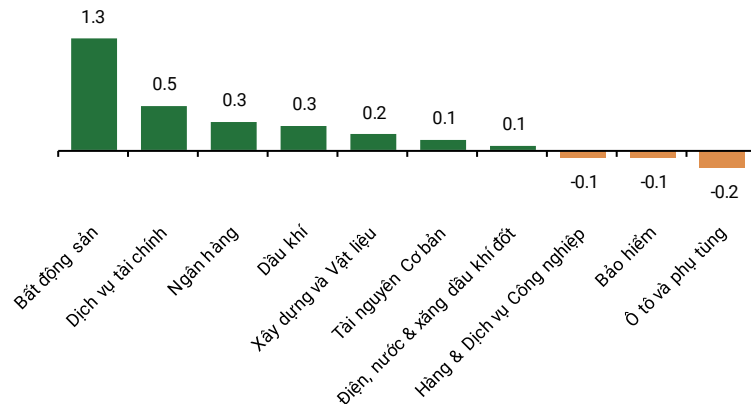
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



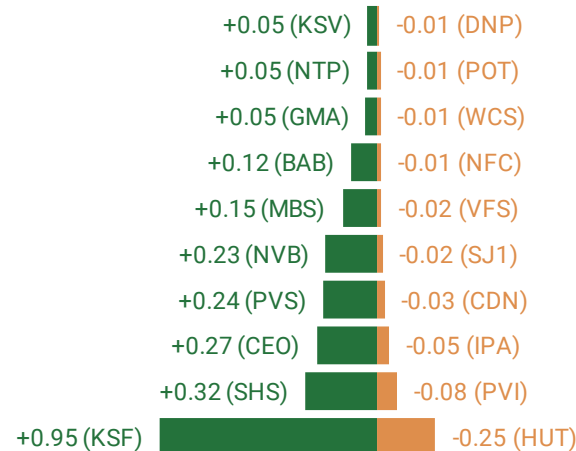
TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



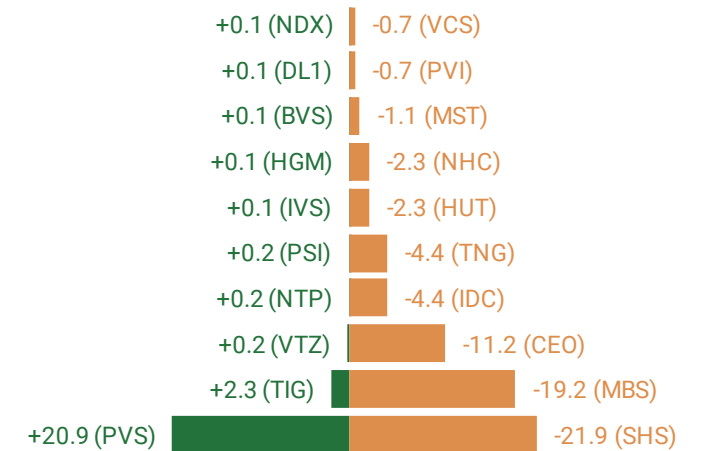
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	HPG	VIX	SHB	HDB	SSI
%DoD	0.7%	5.4%	0.9%	4.0%	2.1%
Giá trị	1,473	1,234	1,084	1,052	922

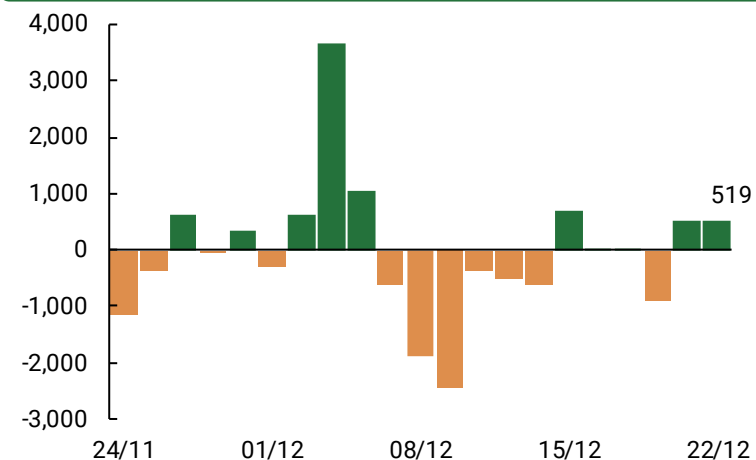
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VNM	HAG	VIC	SJS	VIB
%DoD	-1.3%	1.1%	6.9%	1.0%	0.9%
Giá trị	6,014	904	666	166	145

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



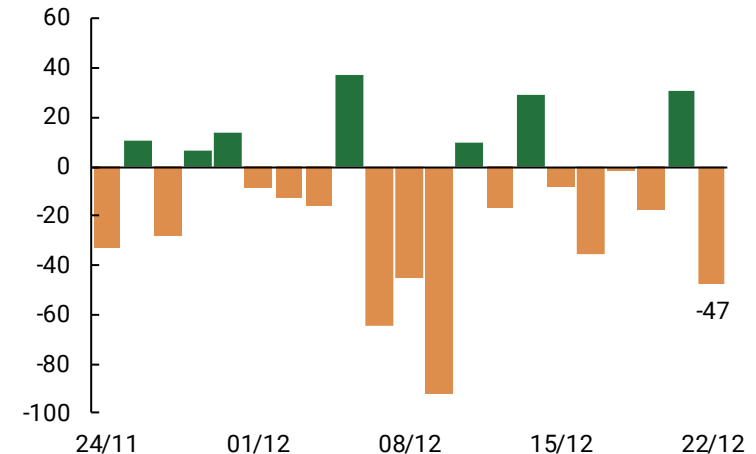
	SHS	CEO	PVS	MBS	VTZ
%DoD	2.8%	3.5%	2.5%	1.5%	1.0%
Giá trị	382	222	182	94	33

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	DNP	IDC	HUT	TPP	TIG
%DoD	-0.5%	0.0%	-2.4%	0.0%	2.4%
Giá trị	209	18	10	6	4

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Marubozu, vol trên bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1650 - 1700.
- ✓ Kháng cự: 1760 - 1770.
- ✓ Chỉ báo RSI, MACD trở lại quán tính tăng.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật.

Kịch bản: Nhóm vốn hóa lớn tiếp tục dẫn dắt đà tăng giúp chỉ số xác nhận vượt hẳn ngưỡng 1700 điểm. Chỉ báo MACD, RSI cũng cải thiện ủng hộ động lượng đi lên. Dù vậy, khu vực quanh 1760 – 1770 đang là ngưỡng cản kỹ thuật, chỉ số có thể trở lại rung lắc hoặc hạ nhiệt để tích lũy thêm đà. Nếu lực cầu vẫn duy trì tốt, kỳ vọng mục tiêu cao hơn là hướng tới mốc 1800 điểm, trong khi hỗ trợ gần hiện là ngưỡng tâm lý 1700 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Marubozu, vol trên bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1930 - 1950.
- ✓ Kháng cự: 200.
- ✓ Chỉ báo RSI, MACD trở lại quán tính tăng.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật.

➔ Chỉ số tiếp tục bật tăng thoát khỏi ngưỡng cản 1960, thanh khoản đồng thời đồng thuận ủng hộ chiều đi lên. Khoảng trống “gap” 1930 – 1950 giờ sẽ trở thành vùng hỗ trợ ngắn hạn cho xu hướng. Mục tiêu hiện có thể hướng tới là ngưỡng 2000 điểm. Giao dịch có khả năng trở lại rung lắc khi VN30 tiếp cận khu vực này.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio		
Ticker	KLB	BUY	Current price		17,2	P/E (x)	6,6	
			Action price	23/12	17,2	P/B (x)	1,29	
Exchange	UPCoM					EPS	2608,6	
			Target price		20	16,3%	ROE	21,2%
Sector	Banks		Cut loss		15,8	-8,1%	Stock Rating	BBB
						Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá vượt lên trở lại MA20 ngày và có thể củng cố thêm nền giá quanh 17.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu, cùng với RSI duy trì lên trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền quay trở lại.
 - MA20 cắt lên MA50 hỗ trợ vận động trung hạn.
- ➔ Xu hướng được củng cố và khả năng trở lại quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Mua quanh giá hiện tại hoặc tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	KLB	Mua	23/12/2025	17,20	17,2	0,0%	20,0	16,3%	15,8	-8,1%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	PHR	Nắm giữ	28/11/2025	10/12/2025	58,00	56,6	2,5%	64,0	13,1%	54,0	-4,6%	
2	NTP	Nắm giữ	03/12/2025	11/12/2025	64,50	64,2	0,5%	71,0	10,6%	61,5	-4,2%	Nâng cắt lỗ 61.5
3	DBC	Nắm giữ	04/12/2025	17/12/2025	28,20	27,60	2,2%	30,5	10,5%	26,0	-5,8%	
4	PNJ	Mua	18/12/2025	-	93,90	92,4	1,6%	100,0	8,2%	87,0	-5,8%	
5	POW	Mua	19/12/2025	-	12,70	12,30	3,3%	14,0	13,8%	11,4	-7,3%	
6	TV2	Mua	22/12/2025	-	36,0	36,3	-0,8%	40,0	10,2%	34,0	-6,3%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1997, tăng 60 điểm (+3.1%). Vận động trong phiên nghiêng hẳn về bên mua và chiều đi lên chiếm ưu thế.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo RSI đang tiếp cận mức quá mua cao có thể xuất hiện hạ nhiệt kỹ thuật để tái tạo lại đà. Bên cạnh đó, khu vực 1980 – 1990 cũng là vùng đỉnh gần, trạng thái vừa bút phá qua vùng kháng cự quan trọng thường có xu hướng quay lại kiểm định. Vị thế Long có thể chờ khi giá hạ nhiệt và kiểm định tốt khu vực 1980 – 1885. Vị thế Short hạn chế, cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1970.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1894.7, tăng 54 điểm (+2.9%). Độ lệch basis 9.1 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 118HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1880 - 1885, trong khi kháng cự là ngưỡng 1900 và cao hơn là ngưỡng 1920..

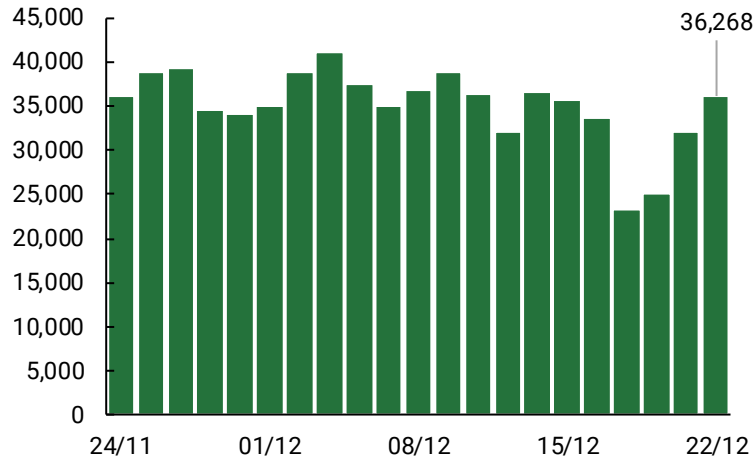
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 1.985	2.000	1.975	15 : 10
Short	< 1.970	1.958	1.978	12 : 08

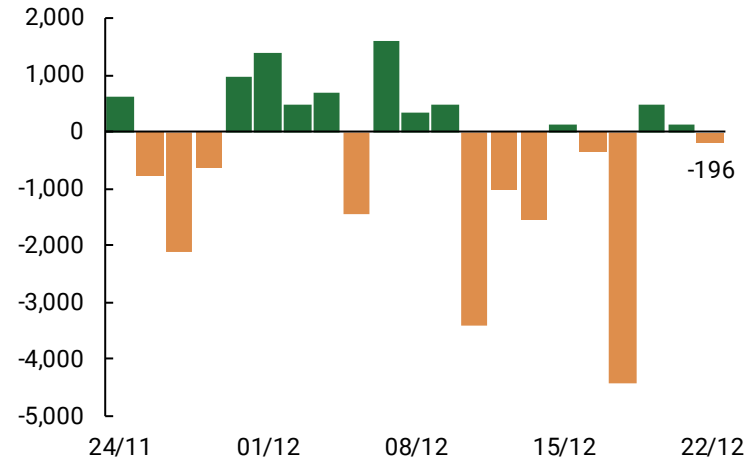
Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1G6000	1,985.0	60.6	71	269	1,995.0	-10.0	18/06/2026	178
41I1G3000	1,990.0	61.1	200	495	1,990.0	0.0	19/03/2026	87
41I1G2000	1,978.0	45.5	839	401	1,988.2	-10.2	13/02/2026	53
41I1G1000	1,997.0	60.1	238,951	36,268	1,986.6	10.4	15/01/2026	24
41I2G1000	1,894.7	54.0	119	36	1,886.9	7.8	15/01/2026	24

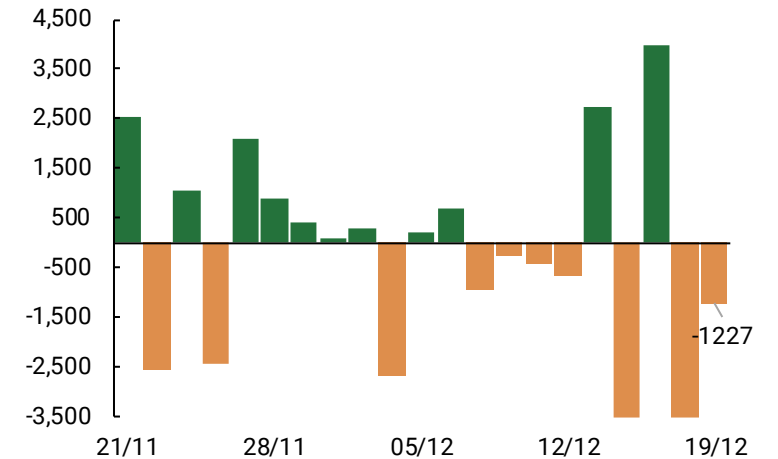
Khối lượng mở (Open interest)



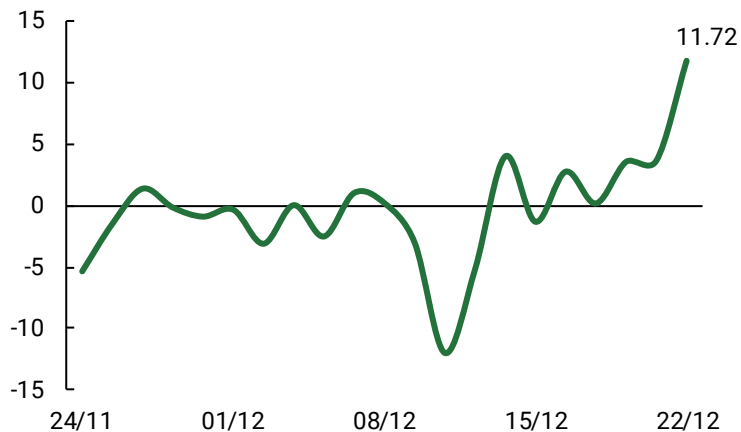
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



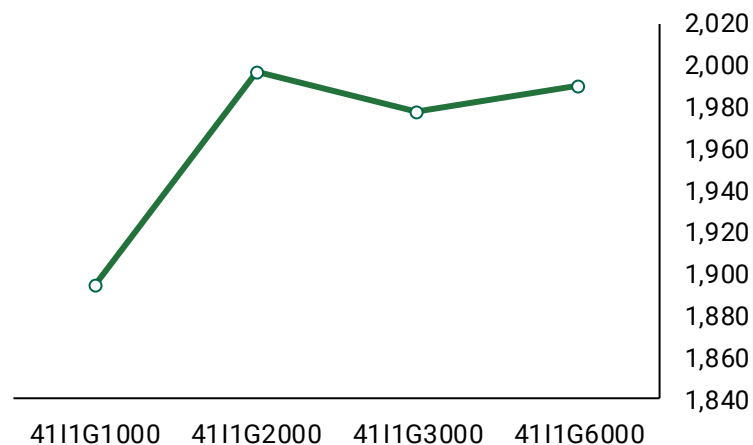
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



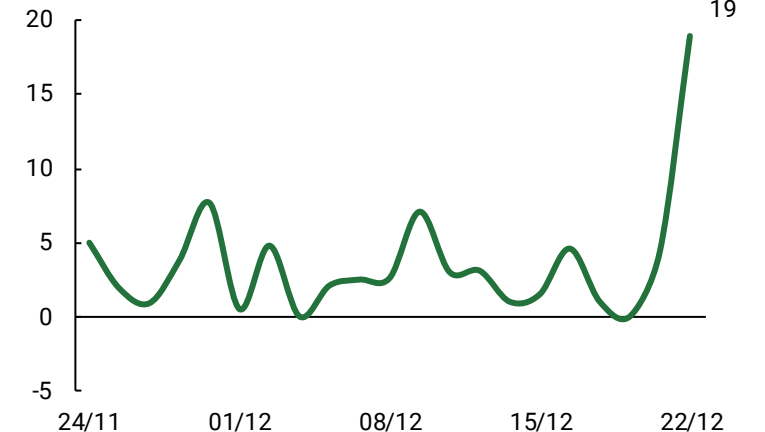
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	76,300	65,400	-14.3%	Bán
BCM	61,900	74,500	20.4%	Mua
CTD	83,000	91,400	10.1%	Tăng tỷ trọng
CTI	22,800	27,200	19.3%	Tăng tỷ trọng
DBD	48,450	68,000	40.4%	Mua
DDV	25,580	35,500	38.8%	Mua
DGC	74,600	102,300	37.1%	Mua
DGW	40,500	48,500	19.8%	Tăng tỷ trọng
DPG	41,200	53,100	28.9%	Mua
DPR	37,300	46,500	24.7%	Mua
DRI	12,476	17,200	37.9%	Mua
EVF	11,500	14,400	25.2%	Mua
FRT	147,000	135,800	-7.6%	Giảm tỷ trọng
GMD	59,500	72,700	22.2%	Mua
HAH	59,800	67,600	13.0%	Tăng tỷ trọng
HDG	28,800	33,800	17.4%	Tăng tỷ trọng
HHV	14,000	12,600	-10.0%	Giảm tỷ trọng
HPG	26,900	30,200	12.3%	Tăng tỷ trọng
IMP	50,300	55,000	9.3%	Nắm giữ

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	25,250	22,700	-10.1%	Bán
MSH	33,500	43,100	28.7%	Mua
MWG	85,000	92,500	8.8%	Nắm giữ
NLG	32,650	39,950	22.4%	Mua
NT2	24,250	27,400	13.0%	Tăng tỷ trọng
PHR	58,000	72,800	25.5%	Mua
PNJ	93,900	96,800	3.1%	Nắm giữ
PVT	18,500	18,900	2.2%	Nắm giữ
SAB	49,600	59,900	20.8%	Mua
TLG	51,300	53,400	4.1%	Nắm giữ
TCB	35,200	35,650	1.3%	Nắm giữ
TCM	27,000	38,400	42.2%	Mua
TRC	77,200	95,800	24.1%	Mua
VCG	23,950	26,200	9.4%	Nắm giữ
VHC	55,000	60,000	9.1%	Nắm giữ
VNM	63,200	66,650	5.5%	Nắm giữ
VSC	20,800	17,900	-13.9%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

- 01/12 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 05/12 Việt Nam – FTSE công bố đảo danh mục
Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp
- 06/12 Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế tháng 11 và 11 tháng
- 09/12 Úc – RBA công bố lãi suất
- 10/12 Canada – BOC công bố lãi suất
- 11/12 Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành
- 12/12 Việt Nam - Vaneck công bố danh mục
- 17/12 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- Việt Nam - Đảo hạn phái sinh
- 18/12 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
Anh – BoE công bố lãi suất
- 19/12 Việt Nam - Quỹ ETF liên quan Vaneck và FTSE thực hiện tái cơ cấu danh mục
Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất
- 23/12 Mỹ - Ước tính GDP q/q (Q3)
- 31/12 Mỹ - Biên bản cuộc họp FOMC

THÔNG TIN VĨ MÔ

Công bố thành viên Trung tâm tài chính quốc tế tại TPHCM: Danh sách thành viên được công bố tập trung vào bốn nhóm lĩnh vực then chốt. Ở nhóm ngân hàng, tổ chức tài chính và sàn giao dịch toàn cầu, các thành viên gồm Nasdaq, VinaCapital, MBBank, Vietcombank và VietinBank. Nhóm hạ tầng số và tài sản số có sự tham gia của Binance, Circle, Liên minh Onchain, Dragon Capital và Tether. Nhóm hạ tầng cho trung tâm tài chính quốc tế gồm REE, liên doanh Cathay United và Pension One Group. Nhóm công nghệ quy tụ Viettel, TikTok và FPT.

Dự toán thu NSNN năm 2026 hơn 2,5 triệu tỷ đồng: Dự toán số thu NSNN năm 2026 là 2.529,467 nghìn tỷ đồng, tăng 28,6% so với dự toán năm 2025 và tăng 5,9% so với ước thực hiện năm 2025.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

SGN – Tăng thêm hơn 343 tỷ đồng vào công ty làm dự án tại sân bay Long Thành: Phục vụ Mặt đất Sài Gòn quyết định góp thêm hơn 343 tỷ đồng để tăng vốn công ty con Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Long Thành lên 790,38 tỷ đồng, qua đó duy trì tỷ lệ sở hữu 75%. Khoản đầu tư nhằm triển khai dự án dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng và phục vụ kỹ thuật mặt đất số 2 tại Sân bay Long Thành, với tổng mức đầu tư khoảng 781 tỷ đồng/dự án, thời hạn gần 25 năm.

POW - Tăng vốn điều lệ vượt 27.800 tỷ đồng: PV Power đã hoàn tất phát hành hơn 444,9 triệu cổ phiếu để trả cổ tức và thưởng, qua đó nâng vốn điều lệ lên 27.868 tỷ đồng. Doanh nghiệp tiếp tục chào bán thêm 281 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cp, dự kiến thu về 2.810 tỷ đồng. Nguồn vốn chủ yếu được sử dụng cho các dự án trọng điểm Nhơn Trạch 3 & 4, củng cố năng lực tài chính và đảm bảo tiến độ đầu tư dài hạn.

DIG - Gia đình Chủ tịch DIC Corp bị bán giải chấp hơn 2,6 triệu cổ phiếu DIG: Gia đình Chủ tịch DIC Corp đã bị công ty chứng khoán bán giải chấp hơn 2,6 triệu cổ phiếu DIG trong các phiên 15–16/12/2025, khiến tỷ lệ sở hữu của ông Nguyễn Hùng Cường và người liên quan giảm nhẹ. Diễn biến này phản ánh áp lực tài chính ngắn hạn lên cổ đông nội bộ trong bối cảnh thị trường bất động sản còn khó khăn. Ở chiều tích cực, DIC Corp đã đạt thỏa thuận chuyển nhượng một phần dự án DIC Đại Phước City Đồng Nai, dự kiến mang về 2.400 tỷ đồng doanh thu và 748 tỷ đồng lợi nhuận gộp, hỗ trợ kết quả kinh doanh năm 2025.

NVL - Novaland xoay xở vay 10.000 tỷ đồng: Novaland đang lấy ý kiến cổ đông về phương án vay tối đa 10.000 tỷ đồng theo hình thức khoản vay có quyền chuyển đổi thành cổ phần, nhằm bổ sung vốn triển khai các dự án và duy trì hoạt động kinh doanh.

BRS - Kế hoạch lãi gần 2.2 ngàn tỷ năm 2026, đẩy mạnh đầu tư: Lọc hóa dầu Bình Sơn đặt kế hoạch năm 2026 đạt hơn 154 nghìn tỷ đồng doanh thu và lãi sau thuế khoảng 2,16 nghìn tỷ đồng, tăng doanh thu nhưng lợi nhuận giảm mạnh so với ước thực hiện 2025 do giả định giá dầu 75 USD/thùng và tỷ giá 26.500 đồng/USD. Doanh nghiệp dự kiến sản xuất khoảng 7,76 triệu tấn, trong đó dầu DO và xăng RON 95 tiếp tục là sản phẩm chủ lực. BSR đồng thời đẩy mạnh đầu tư gần 8,6 nghìn tỷ đồng, trọng tâm là dự án nâng cấp – mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, chuẩn bị cho giai đoạn tăng trưởng dài hạn đến sau 2027.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415